

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 07/8/2024

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Thẩm phán:* Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Ông Nguyễn Xuân Trường

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:* Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, thụ lý số 16/2024/HNGĐ – PT ngày 10 tháng 7 năm 2024. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2024/HNGĐ- ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXPT - HNGĐ ngày 22/7/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy M**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số B N, khu A, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số B N, khu A, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Do có kháng cáo của ông Phạm Văn T - Là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2024/HNGĐ - ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy M trình bày: Bà và ông Phạm Văn T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T vào ngày 14/12/1973. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm,

thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn. Năm 1988, bà đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân phường N để giải quyết ly hôn nhưng được hoà giải nên bà rút đơn. Vợ chồng sống cùng nhà nhưng ly thân, kinh tế riêng biệt từ tháng 12/1995 cho đến nay. Nay mâu thuẫn quá lớn, tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày: Về việc kết hôn và quá trình chung sống như bà M trình bày. Bà M làm nghề diễn viên đoàn Chèo tỉnh Hải Dương, thường đi diễn ngày đêm. Sau khi sinh con thứ ba, ông nghe thông tin bà M có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng mâu thuẫn. Bà M đã làm đơn ly hôn đến Ủy ban nhân dân phường N, sau đó được hoà giải nên bà đã rút đơn, vợ chồng chung sống bình thường. Năm 1990 bà M ốm phải nhập viện, ông vẫn chăm sóc. Từ năm 1995, bà M thiếu tôn trọng và không chia sẻ cuộc sống với ông nên kinh tế vợ chồng riêng rẽ, không ăn ngủ cùng nhau. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có nhiều bất đồng và xảy ra tranh cãi, ông có chửi mắng bà M. Nay ông không đồng ý ly hôn vì lỗi là do bà M chứ ông không có lỗi.

Về con chung, bà M và ông T đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị P, sinh ngày 28/5/1974; Phạm Hùng C, sinh ngày 21/11/1975 và Phạm Văn H, sinh ngày 04/7/1979. Các con đã thành niên, trưởng thành, tự lập cuộc sống nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung, bà M và ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2024/HNGĐ- ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Nguyễn Thị Thúy M được ly hôn ông Phạm Văn T.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn với bà M.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà M có quan điểm không chấp nhận kháng cáo của ông T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã trầm trọng nên cấp sơ thẩm đã xử cho bà M được ly hôn ông T là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T kháng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án ông T, bà M đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên thiếu niềm tin, nghi ngờ sự chung thủy. Từ năm 1995 vợ chồng đã sống ly thân, kinh tế riêng rẽ, không quan tâm đến nhau. Như vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho bà M được ly hôn ông T là có căn cứ. Ông T kháng cáo không đồng ý ly hôn không phải vì xác định vợ chồng còn tình cảm mà do ông cho rằng ông không có lỗi và vì thể diện của các con. Tuy nhiên bà M không đồng ý, bà xác định vợ chồng từ lâu không còn tình cảm với nhau, bà không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, do vậy nếu ông bà có về chung sống với nhau thì vợ chồng cũng không có sự chia sẻ và sẽ không hạnh phúc, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do ông Phạm Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.*

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2024/HNGĐ- ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương về quan hệ hôn nhân như sau:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/NQ- UBTWQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy M được ly hôn với ông Phạm Văn T.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương;
- TAND Tp Hải Dương
- Chi cục THA dân sự TP Hải Dương;
- Các Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**